

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI-ỦY BAN THỂ
DỤC THỂ THAO

Số: 34/2007/TTLT-BTC-
BLĐTBXH-UBTDTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg) như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ tiền công; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chế độ bồi thường tai nạn lao động; chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg. Các chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên quy định tại Thông tư này được áp dụng kể từ ngày Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg có hiệu lực.

2. Đối tượng áp dụng là các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển quốc gia; đội tuyển trẻ quốc gia; đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

a) Ủy ban Thể dục thể thao quyết định danh sách, thời gian triệu tập tập huấn và thi đấu đối với các huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia;

b) Các bộ, ngành ở trung ương quyết định danh sách, thời gian triệu tập tập huấn và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển, đội tuyển trẻ của ngành mình;

c) Sở Thể dục thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định danh sách, thời gian triệu tập tập huấn và thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên vào các đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Công tác xây dựng, chấp hành dự toán kinh phí thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Ủy ban Thể dục thể thao, các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đúng chế độ, đúng đối tượng, đảm bảo hiệu quả.

4. Một số từ ngữ sử dụng tại Thông tư này được hiểu như sau:

a) Cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên là cơ quan, tổ chức nơi huấn luyện viên, vận động viên được tuyển vào làm việc hoặc luyện tập thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập vào đội tuyển thể thao các cấp;

b) Cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên là cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại các đội tuyển thể thao các cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên có thể đồng thời là cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên.

II. CHẾ ĐỘ TIỀN CÔNG

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao là người có quốc tịch Việt Nam không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trả tiền công theo ngày trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo mức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg.

2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Trong thời gian tập huấn, thi đấu được hưởng nguyên lương tại cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên. Trường hợp mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên thấp hơn mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg thì cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chi trả thêm phần chênh lệch để đảm bảo bằng mức tiền công tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg. Mức tiền lương theo ngày của huấn luyện viên, vận động viên được xác định bằng tiền lương tháng chia cho 22 ngày (số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng);

b) Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên thể thao có thời gian thực tế tập huấn và thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (nhiều hơn 22 ngày/tháng) thì cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trả tiền công bằng mức quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg cho số ngày cao hơn ngày làm việc tiêu chuẩn;

c) Khoản bù chênh lệch giữa tiền lương và tiền công trả cho số ngày làm việc cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b khoản 2, mục II Thông tư này không được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 1: Huấn luyện viên A là viên chức thuộc Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh T, được xếp lương ngạch huấn luyện viên (mã số 18.181) với hệ số lương hiện hưởng là 3,66. Huấn luyện viên A được Ủy ban Thể dục thể thao quyết định triệu tập đến tập trung tập huấn thi đấu cho đội tuyển quốc gia tại Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia I. Huấn luyện viên A được hưởng nguyên lương trong thời gian tập trung, do Trung tâm thể dục Thể thao tỉnh T trả. Ngoài ra, huấn luyện viên A được trả phần

chênh lệch giữa tiền lương so với mức tiền công quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg. Cụ thể như sau:

- Mức tiền lương ngày của huấn luyện viên A là:

$(3,66 \times 450.000 \text{ đồng})/22 \text{ ngày} = 74.863 \text{ đồng/ngày}$

- Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia I thực hiện chi trả phần chênh lệch là:

$100.000 \text{ đồng/ngày} - 74.863 \text{ đồng/ngày} = 25.137 \text{ đồng/ngày}$

Nếu huấn luyện viên A thực hiện chế độ luyện tập 26 ngày/tháng thì được Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia I chi trả tiền bù chênh lệch và tiền công trong một tháng tập huấn là:

$25.137 \text{ đồng} \times 22 \text{ ngày} + 100.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ ngày} = 935.014 \text{ đồng}.$

III. CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ

1. Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan, tổ chức quản lý huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm trích nộp kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho huấn luyện viên, vận động viên theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ quy định.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc: Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, cơ quan, tổ chức sử dụng huấn luyện viên, vận động viên trích chuyển cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên nguồn kinh phí để nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Huấn luyện viên, vận động viên được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo chế độ quy định.

3. Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu nếu bị ốm đau phải nghỉ luyện tập, nghỉ thi đấu; bị tai nạn hoặc chết thì được giải quyết trợ cấp như sau:

a) Trường hợp bị ốm đau hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình: Được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh (theo mức viện phí làm căn cứ thanh toán bảo hiểm y tế) và được hưởng trợ cấp ốm đau bằng 75% tiền công hiện hưởng trong những ngày nghỉ ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình;

b) Trường hợp bị tai nạn lao động:

- Được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu (theo mức viện phí làm căn cứ thanh toán bảo hiểm y tế) đến khi điều trị ổn định thương tật và được hưởng trợ cấp bằng 100% tiền công hiện hưởng trong những ngày điều trị;

- Sau khi điều trị ổn định được giám định khả năng lao động, nếu suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được trợ cấp một lần tính theo mức suy giảm khả năng lao động, cụ thể như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 tháng tiền lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương tối thiểu chung; ngoài ra, còn được nhận khoản trợ cấp một lần tính theo thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung: từ 1 năm (12 tháng) trở xuống thì được hưởng bằng 0,5 tháng tiền công, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3 tháng tiền công;

Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự huỷ hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm a, b khoản này.

c) Huấn luyện viên, vận động viên khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên được trợ cấp một lần. Cứ mỗi năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn), được hưởng 1,5 tháng (26 ngày/tháng) tiền công trước khi thôi việc, nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền công.

Khi tính cộng dồn thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên (kể cả thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên cấp tỉnh, ngành và cấp quốc gia) để tính hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 3, mục III Thông tư này, nếu có tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính, nếu đủ từ 3 tháng trở lên đến đủ 06 tháng được tính là $\frac{1}{2}$ năm, từ trên 06 tháng đến 12 tháng được tính tròn 01 năm.